

Số: 30/2022/QĐST-HNGĐ

Vũ Thu, ngày 22 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1979;

2. Chị Trần Thị D, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHTT: Tổ xx, phường T, thành phố B, tỉnh Thái Bình;

Nơi tạm trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Nam Định vào ngày 11 tháng 12 năm 2009 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng nhau ở tổ xx, phường T, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q nghiện ma túy, không có công ăn việc làm. Một mình chị D phải lo toan, gánh vác kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của anh chị

từ lâu không còn hạnh phúc. Tòa án đã phân tích, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Q và chị D đều xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2009. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng con Nguyễn Trung K. Chị D không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh Q không đi làm, không có thu nhập. Chị D hiện làm công nhân ở công ty may A, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D thỏa thuận: Ly hôn, giao cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng con Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2009. Chị D không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Q, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

1.3 Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Trần Thị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Anh, chị đã nộp đủ số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0001044 ngày 28/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)